

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2022/DS -ST
Ngày: 19- 12 -2022
V/v: “Tranh chấp thừa kế về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron
Bà Trần Thị Phôi
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2009/TLST - DS, ngày 10 tháng 06 năm 2009 về “tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXX-ST ngày 22/06/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2022/QĐXX-ST ngày 22/7/2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 200/2022/TB-DS ngày 15/8/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 288/QĐST-DS ngày 21/9/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 207/2022/TB-TA ngày 19/10/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 317/QĐST-DS ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Khổng Thị Bích Đ, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ 7, khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Bà Khổng Thị Bích L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 17, khu vực 4, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1942; Địa chỉ : Tổ 7, Khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B. Bà Lê Thị Hồng Y, sinh năm: 1976 và chị Khổng Thị Trúc M, sinh năm: 1998; Cùng địa chỉ: Tổ 77, khối 8, BK, phường T, TP. B, tỉnh Đ; Người đại

diện theo ủy quyền: Anh Không Xuân D, sinh năm: 2001; Địa chỉ: (68 LTX) Tổ 7C, khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B (giấy ủy quyền số 581 ngày 19/11/2021 và giấy ủy quyền số 011791 ngày 18/11/2021), (có mặt)

Ông Không Xuân A, sinh năm: 1974 (chết ngày 8/10/2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1942; Bà Lê Thị Diễm H, sinh năm: 1980; Anh Không Xuân D, sinh năm: 2001; Cùng địa chỉ: (68 LTX) Tổ 7, khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1937; Địa chỉ : Tổ 21, khu vực 9, phường Đ, TP. Q, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: ông Không Xuân V; Địa chỉ : Tổ 21, Khu vực 4, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1942 Địa chỉ : Tổ 7, khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Ông Không Thanh S, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ 48, Khu vực 9A, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Ông Không Xuân H1, sinh năm: 1974; Ông Không Xuân V1, sinh năm: 1976; Cùng địa chỉ: Tổ 48, Khu vực 9 A, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (vắng mặt)

Ông Không Xuân V; sinh năm: 1960, ông Không Xuân Thành, sinh năm: 1970; Cùng địa chỉ: Tổ 21, Khu vực 4, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Bà Không Thị Bích S1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: 63/20 hẻm T, thành phố Q, tỉnh B (có mặt)

Bà Không Thị Bích H2, sinh năm: 1972; Địa chỉ: số nhà 92 đường N, thành phố Q, tỉnh B (có mặt)

Bà Không Thị Bích N2, sinh năm: 1979, Địa chỉ: Tổ 48, Khu vực 9, phường Đ, TP. Q, tỉnh B (có mặt)

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh V2 - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Khắc D1 - Phó giám đốc. Địa chỉ: số 22 đường Đ, TP. Q, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2005, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/5/2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do bà Không Thị Bích Đ, bà Không Thị Bích L, đồng trình bày: Cha mẹ bà là ông Không Xuân C và bà Nguyễn Thị N (bà N là vợ hai của ông C) có 4 người con: Không Thị Bích Đ, Không Xuân A, Không Thị Bích L, Không Xuân H3 (chết). Ông Không Xuân C chết năm 1999 không để lại di chúc nên bà Đ, bà L yêu cầu chia phần di sản của ông C.

Ông Không Xuân C với bà Huỳnh Thị T (vợ lớn) có 8 người con Không Xuân V, Không Thanh S, Không Thị Bích S1, Không Xuân T1, Không Thị Bích H2, Không Xuân H1, Không Xuân V1, Không Thị Bích N2. Trước đây bà Đ, bà L, ông H3, ông A yêu cầu chia di sản ông C để lại là 825,56m² đất vườn tọa lạc tại tổ 21, khu vực 4, phường Đ, TP.Q do cụ K (cha của ông Không Xuân C) để lại và 12.481,3m² đất nuôi trồng thủy sản (UBND TP. Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C ngày 11/10/1999). Nay các ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia 825,56m² đất vườn tọa lạc tại tổ 21, khu vực 4, phường Đ, thành phố Q, chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất đã bị nhà nước thu hồi để xây dựng khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh còn lại là 10.581,8m² (trước đây là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc khu vực 9, phường Đ, TP. Q). Hiện nay nhà nước bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 6.701.336.635 đồng, nay yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền đền bù nói trên.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị L, chị Đ về quan hệ gia đình và hàng thừa kế. Do ông C chết không để lại di chúc nên bà thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với số tiền nhà nước bồi thường hỗ trợ 6.701.336.635 đồng do thu hồi 10.581,8m² (trước đây là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc khu vực 9, phường Đ, TP. Q) như bà L và bà Đ trình bày.

Bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Không Xuân A và ông Không Xuân H3, bà thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế như bà L và bà Đ đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Bà Lê Thị Diễm H trình bày: bà và ông Không Xuân A có đăng ký kết hôn năm 2001. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Không Xuân D. Thời gian vừa qua chồng bà bệnh nặng, ngày 8/10/2021 ông A chết. Với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Không Xuân A, bà thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế như bà L và bà Đ đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Anh Không Xuân D trình bày: với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Không Xuân A và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Y và chị M: Anh thống nhất với yêu cầu chia thừa kế như bà L và bà Đ đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T: ủy quyền cho ông Không Xuân V trình bày: bà T và ông C có 8 người con: Không Xuân V, Không Thanh S, Không Thị Bích S1, Không Xuân T1, Không Thị Bích H2, Không Xuân H1, Không Xuân V1, Không Thị Bích N2. Năm 1984 ông C nghỉ hưu mất sức đến năm 1999 bị bệnh mất không để lại di chúc. Bà và 8 người con đã bỏ vốn ra đầu tư, xây dựng và canh tác trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, đến nay nhà nước có chủ trương thu hồi và đền bù cho gia đình. Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tiền đền bù đất nuôi trồng thủy sản nói trên bà không đồng ý chia vì bà Đ, bà L, ông H3, ông A không thuộc diện thừa kế của ông C.

Bà T đã nhận số tiền đền bù do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q chi trả 3.400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: các ông Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Xuân T1, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1 thống nhất trình bày: Cha mẹ chúng tôi là ông Khổng Xuân C và bà Huỳnh Thị T có 8 người con: Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Thị Bích S1, Khổng Xuân T1, Khổng Thị Bích H2, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1, Khổng Thị Bích N2. Năm 1984 ông C nghỉ hưu mất sức đến năm 1999 bị bệnh mất không để lại di chúc. Bà T cùng 8 người con đã bỏ vốn ra đầu tư xây dựng và canh tác trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, đến nay nhà nước có chủ trương thu hồi và đền bù cho gia đình. Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tiền đền bù đất nuôi trồng thủy sản nói trên các ông không đồng ý chia vì bà Đ, bà L, ông H3, ông A không có đóng góp công sức gì vào diện tích đất nói trên nên không thuộc diện thừa kế của ông Khổng Xuân C.

Từ năm 1975 tất cả các anh chị em đều có tên trong hộ khẩu gia đình, tuy nhiên vì lý do tách khẩu để sử dụng điện, nước như bà S1, ông V, ông V1 và ông T1 tách ra nhưng vẫn ở trên đất nuôi trồng thủy sản để canh tác. Tất cả 8 anh em vẫn cùng canh tác trên diện tích nói trên cho đến khi nhà nước có chủ trương đền bù.

Nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất đã bị nhà nước thu hồi để xây dựng khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh là 10.581,8m² (trước đây là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc khu vực 9, phường Đ, TP. Q). Hiện nay nhà nước bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 6.701.336.635 đồng, thì chúng tôi yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền đền bù nói trên.

Các ông thống nhất, năm 2022 bà Huỳnh Thị T đã đại diện cho gia đình nhận số tiền đền bù 3.400.000.000 đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Khổng Thị Bích S1, bà Khổng Thị Bích H2 và bà Khổng Thị Bích N2 thống nhất trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Khổng Xuân C và bà Huỳnh Thị T có 8 người con: Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Thị Bích S1, Khổng Xuân T1, Khổng Thị Bích H2, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1, Khổng Thị Bích N2. Ông C chết năm 1999 không để lại di chúc.

Chúng tôi không thống nhất về hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn chúng tôi không đồng ý. Nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất đã bị nhà nước thu hồi để xây dựng khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh là 10.581,8m² (trước đây là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc khu vực 9, phường Đ, TP. Q), hiện nay nhà nước bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 6.701.336.635 đồng, thì chúng tôi yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền đền bù nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ) do ông Phan Khắc D1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ thành phố Q được UBND thành phố giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, GPMB công trình Chính trang đô thị khu dân cư tổ 48, khu vực 9a, phường Đ, thành phố Q. Trong đó, có trường hợp hộ ông Khổng Xuân C (chết), vợ Huỳnh Thị T, con đại diện Khổng Thanh S ở tại tổ 48, khu vực 9a, phường Đ. Bà T và ông Sinh kê khai bị giải tỏa trắng các thửa đất NTTS số 58, 59, 60, 67, 70, 76 và 77 tờ bản đồ số 4 (trích đo năm 2018) có tổng diện tích là 10.581,8m², hộ bà Huỳnh Thị T còn bị giải tỏa trắng thửa đất có nhà ở (ODT) số 134 tờ bản đồ số 4 (trích đo năm 2018) có diện tích là 172,1m².

Theo xác nhận của UBND phường Đ tại Văn bản số 335/UBND-NĐ ngày 05/8/2019: Hộ gia đình ông Khổng Xuân C (chết), vợ Huỳnh Thị T, con đại diện Khổng Thanh S bị ảnh hưởng các thửa đất NTTS số 58, 59, 60, 67, 70, 76 và 77 tờ bản đồ số 4 (trích đo năm 2018) có tổng diện tích là 10.581,8m² có nguồn gốc là đất NTTS thuộc giấy GCN QSD đất số 00005 ngày 11/10/1999 do UBND thành phố ký cấp cho hộ ông Khổng Xuân C.

Do đó, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông Khổng Xuân C (chết), vợ Huỳnh Thị T, con đại diện Khổng Thanh S được UBND thành phố Q phê duyệt với tổng số tiền là 6.929.865.755 đồng, trong đó:

Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 20/3/2020: Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 6.711.547.305 đồng (*Sáu tỷ, bảy trăm mười một triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm lẻ năm đồng*); Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 02/2/2021: Hỗ trợ ổn định đời sống với tổng số tiền là 36.936.000 đồng; Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 23/6/2021: Bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc với tổng số tiền là 65.117.250 đồng; Quyết định số 5463/QĐ-UBND ngày 06/8/2021: Bồi thường, hỗ trợ bổ sung đắp đất tôn nền với tổng số tiền là 83.899.200 đồng; Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 05/5/2022: Bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc với tổng số tiền là 32.366.000 đồng

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND thành phố Q về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 công trình Chính trang đô thị Khu dân cư tổ 48, khu vực 9a, phường Đ, thành phố Q. Trong đó hộ ông Khổng Xuân C không bị ảnh hưởng thu hồi thửa đất số 77 tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 2018 để phục vụ GPMB).

Do đó, Tổ công tác đã báo cáo Hội đồng bồi thường GPMB thống nhất điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa 77 tờ bản đồ số 4 với tổng số tiền là 223.529.120 đồng, cụ thể: Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 với tổng số tiền là **139.629.920** đồng;

Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 5463/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 với tổng số tiền là 83.899.200 đồng.

Đối với số tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ 5.000.000 đồng, Hội đồng bồi thường, GPMB sẽ không chi trả do hộ giao trả mặt bằng không đúng quy định tại Điều 41 của Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh B về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và hộ bị thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 10/3/2022.

Tổng số tiền còn lại của của hộ ông (bà) Huỳnh Thị T, Khổng Xuân C (chết) con đại diện Khổng Thanh S sẽ được Hội đồng bồi thường GPMB chi trả theo quy định là: 6.929.865.755 đồng – (3.400.000.000 đồng + 223.529.120 đồng + 5.000.000 đồng) = **3.301.336.635 đồng** (Ba tỷ, ba trăm lẻ một triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm ba mươi lăm đồng). Hiện tại, số tiền này được giữ tại Kho bạc Nhà nước B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đôi lúc chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71,72, 73 BLTTDS.

Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 649, 650, 651 BLDS chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông C để lại là phần bồi thường mà ông C được hưởng đối với phần hỗ trợ về đất đai $5.979.345.600 \text{ đồng} / 9 = 664.371.173 \text{ đồng}$, chia cho 13 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C là các ông bà Huỳnh Thị T, Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Thị Bích S1, Khổng Xuân T1, Khổng Thị Bích H2, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1, Khổng Thị Bích N2, Khổng Xuân H3, Khổng Xuân A, Khổng Thị Bích Đ, Khổng Thị Bích L.

Phần hỗ trợ về vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 721.991.035 đồng sẽ được chia đều cho bà T và 8 người con, không có phần của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông C chết năm 1999, ngày 27/07/2005 các đồng nguyên đơn có đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của ông C theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của ông C vẫn còn.

Về thẩm quyền: Các đương sự tranh chấp chia thừa kế đối với di sản của ông C là đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tổ 48, khu vực 9 A, phường Đ, thành phố Q, Tòa án nhân dân thành phố Q xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*” và thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q do ông Phan Khắc D1 đại diện theo ủy quyền vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt). Tại phiên tòa ngày 18/11/2022 ông Khổng Xuân H1 và ông Khổng Xuân V1 có mặt nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H1, ông V1 vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D1, ông H1, ông V1.

[2] Về di sản thừa kế của ông C: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00005 ngày 11/10/1999 của UBND thành phố Q chứng nhận hộ ông Khổng Xuân C được quyền sử dụng 12.481,3m². Ngày 30/11/2018 UBND TP. Q đã có quyết định số 10029/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch công trình khu tái định cư phục vụ dự án công trình chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 48, khu vực 9 A, phường Đ, thành phố Q thì các thửa đất nuôi trồng thủy sản số 58, 59, 60, 67, 70, 76, 77 tờ bản đồ số 4 có tổng diện tích 10.581,8m². Theo quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 20/3/2020: bồi thường hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 6.711.547.305 đồng. Sau khi điều chỉnh được phê duyệt, tổng giá trị bồi thường hộ ông Khổng Xuân C còn lại là 6.701.336.635 đồng. Các đồng nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế hiện nay là số tiền đền bù giải tỏa đối với 10.581,8m² đất nuôi trồng thủy sản là 6.701.336.635 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đồng nguyên đơn thống nhất rút yêu cầu chia 825,56m² đất vườn tọa lạc tại tổ 21, khu vực 4, phường Đ, TP.Q nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế 825,56m² đất vườn.

[4] Ông Khổng Xuân C chết năm 1999 đến nay bà Huỳnh Thị T và các con là các ông bà Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Thị Bích S1, Khổng Xuân T1, Khổng Thị Bích H2, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1, Khổng Thị Bích N2 trực tiếp quản lý, canh tác đối với đất nuôi trồng thủy sản nói trên.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00005 ngày 11/10/1999 của UBND thành phố Q chứng nhận hộ ông Khổng Xuân C được quyền sử dụng 12.481,3m² nhưng đến năm 2018 Ban QLDA ĐT& XD đo đạc thì diện tích chỉ còn 10.581,8m², Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn và những người liên quan ông V, ông S, ông T1, ông H1 không đến Tòa để khai báo và trình bày quá trình quản lý, sử dụng đất và các tài sản trên đất. Tại phiên tòa bị đơn và những người có

quyền lợi liên quan xác định do mở đường các hộ lân cận lấn chiếm nên diện tích đất có giảm so với giấy chứng nhận, mặt khác các đồng nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền đền bù 6.701.336.635 đồng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến phần chênh lệch diện tích đất đền bù giải tỏa và diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999.

[5] Những người thừa kế của ông Khổng Xuân C: Bà T và các ông bà V, S, S1, T1, H2, H1, V1, N2 không thừa nhận bà Đ, bà L, ông A và ông H3 là con của ông Khổng Xuân C nhưng ông Khổng Thanh S thừa nhận đứng ra viết giấy cho đất (bút lục 47) có nội dung chia đất cho bà Đ, bà L, ông A, ông H3 có chữ ký xác nhận của ông V, ông T1, ông H1, ông V1, bà S1, bà N2 và trong các biên bản hòa giải ở UBND phường Đ thì ông V, ông S, ông H1 có xác nhận “*sẽ bàn bạc sắp xếp hợp gia đình phân chia thừa kế cho các em L, Đ, A, H3*” (bút lục 20, 22). Các giấy khai sinh của bà Đ, bà L, ông H3 và tờ khai lý lịch của ông Khổng Xuân A được UBND phường Đ xác nhận đều ghi cha là ông Khổng Xuân C. Mặt khác, theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 06/12/2022 tại UBND phường Đ cung cấp: căn cứ vào sổ hộ tịch năm 1977 lưu trữ tại UBND phường Đ thể hiện ngày 22/11/1977 ghi sổ đăng ký khai sinh cho 04 trường hợp: Khổng Xuân H3, Khổng Xuân A, Khổng Thị Bích L, Khổng Thị Bích Đ, có cha là Khổng Xuân C và mẹ là Nguyễn Thị N nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông Khổng Xuân H3, Khổng Xuân A, Khổng Thị Bích Đ, Khổng Thị Bích L là con của ông Khổng Xuân C.

Ông C chết năm 1999 không để lại di chúc nên di sản của ông C được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông C (theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự) gồm: các ông bà Huỳnh Thị T, Khổng Xuân V, Khổng Thanh S, Khổng Thị Bích S1, Khổng Xuân T1, Khổng Thị Bích H2, Khổng Xuân H1, Khổng Xuân V1, Khổng Thị Bích N2, Khổng Xuân H3, Khổng Xuân A, Khổng Thị Bích Đ, Khổng Thị Bích L.

Ông Khổng Xuân H3 chết năm 2003 nên bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Hồng Y, chị Khổng Thị Trúc M, anh Khổng Xuân M1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H3. Anh Khổng Xuân M1 chết năm 2019 nên hàng thừa kế thứ nhất của anh M1 là bà Lê Thị Hồng Y; Ông Khổng Xuân A chết năm 2021 nên bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Diễm H và anh Khổng Xuân D là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông A.

[6] Về số tiền đền bù: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Khổng Xuân C theo Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 20/3/2020: Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác đã được điều chỉnh với tổng số tiền là 6.706.336.635 đồng. Trong đó bồi thường hỗ trợ về đất và chuyển đổi nghề là 5.984.345.600 đồng; bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 721.991.035 đồng, do gia đình bà T không trả mặt bằng

theo quy định nên không được chi trả 5.000.000 đồng tiền thưởng, nên số tiền còn lại là 716.991.035 đồng.

[7] Về nguồn gốc đất được giao và số nhân khẩu được giao đất:

Căn cứ vào nguồn gốc đất được giao và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND TP. Q thì số tiền được bồi thường phải được chia cho những người trong hộ gia đình được giao đất nông nghiệp. Số tiền đền bù bồi thường hỗ trợ về đất và chuyển đổi nghề là 5.984.345.600 đồng.

[8] Về phân chia di sản: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00005 ngày 11/10/1999 của UBND thành phố Q chứng nhận hộ ông Khổng Xuân C được quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản, các thành viên trong hộ được quyền sử dụng như nhau, theo sổ hộ khẩu số 1028 thì hộ ông Khổng Xuân C tại thời điểm cấp đất có 8 người: ông C, bà T, ông S, ông T1, bà H2, ông H1, ông V1, bà N2. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các thành viên trong hộ, sau khi ông C mất 8 anh chị em đều tham gia canh tác nuôi trồng như nhau, mặc dù ông V và bà S1 tách khỏi hộ nhưng cũng góp vốn đầu tư và công sức như các nhân khẩu khác trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc chia cho ông V và bà S1 được hưởng 1 phần tương đương với 01 nhân khẩu.

Như vậy, phần bồi thường mà ông C được hưởng là phần hỗ trợ về đất 5.984.345.600 đồng : 9 = 664.927.288 đồng. Phần di sản của ông C được chia đều cho hàng thừa kế 664.927.288 đồng : 13 = 51.148.252 đồng.

[9] Về công sức, giữ gìn tôn tạo di sản: xét thấy, từ khi ông C mất đến nay bà T và các ông bà V, S, S1, T1, H2, H1, V1, N2 đã có công sức canh tác, nuôi trồng trên đất nên số tiền bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 716.991.035 đồng sẽ được chia đều cho bà T và 8 người con, không có phần của ông C (716.991.035 đồng: 9 = 79.665.670 đồng) mỗi người được nhận 79.665.670 đồng.

Phân chia theo trị giá: Bà T, ông S, ông T1, bà H2, ông H1, ông V1, bà N2 mỗi người được nhận 664.927.288 đồng + 79.665.670 đồng + 51.148.252 đồng = 795.741.210 đồng.

Ông V, bà S1 mỗi người được nhận (664.927.288 đồng: 2 = 332.463.644) 332.463.644 đồng + 79.665.670 đồng + 51.148.252 đồng = 463.277.566 đồng.

Bà Đ, bà L mỗi người được nhận 51.148.252 đồng

Phần của ông Khổng Xuân H3: Bà Nguyễn Thị N, Bà Lê Thị Hồng Y chị Khổng Thị Trúc M và anh Khổng Xuân M1 mỗi kỹ phần được nhận 12.787.000 đồng (51.148.252 đồng : 4 = 12.787.000 đồng). Bà Y được nhận kỹ phần của anh M1 12.787.000 đồng + 12.787.000 đồng = 25.574.000 đồng. Bà N và chị M mỗi người nhận 12.787.000 đồng.

Phần của ông Không Xuân A: Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Diễm H và A Không Xuân D được nhận 17.049.417 đồng (51.148.252 đồng : 3 = 17.049.417 đồng).

Bà T đang giữ số tiền 3.400.000.000 đồng; sau khi khấu trừ số tiền bà T được nhận - 795.741.210 đồng = 2.604.258.790 đồng; bà T có nghĩa vụ giao cho các ông bà ông S, ông T1, ông V1 mỗi người được nhận 795.741.210 đồng. (795.741.210 đồng x 3 = 2.387.223.630 đồng). Số tiền 217.035.160 đồng còn lại bà T có nghĩa vụ giao cho ông H1 (ông H1 được nhận 795.741.210 đồng, trong đó có 217.035.160 đồng do bà T giao lại và 578.706.000 đồng ông H1 được quyền liên hệ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q để nhận)

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Không Thanh S, được miễn án phí do thuộc diện người có công với cách mạng (thương binh); Bà Nguyễn Thị N, bà Huỳnh Thị T và ông Không Xuân V được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi (có đơn xin miễn án phí).

Ông T1, bà H2, ông H1, ông V1, bà N2, bà Đ, bà L, bà Y, chị M, bà H, anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[11] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Không Xuân C (tiền đền bù) là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 613, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với di sản của ông Không Xuân C theo quy định của pháp luật.

2. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Không Xuân C là số tiền bồi thường đất nuôi trồng thủy sản tại tổ 48, khu vực 9 A, phường Đ, thành phố Q đã bị

thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng công trình khu tái định cư phục vụ dự án công trình chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 48, khu vực 9 A, phường Đ, thành phố Q (trước đây là công trình Khu tái định cư phục vụ dự án đường LHP nối dài), cụ thể như sau:

2.1. Bà Huỳnh Thị T, ông Khổng Thanh S, ông Khổng Xuân T1, bà Khổng Thị Bích H2, ông Khổng Xuân H1, ông Khổng Xuân V1, bà Khổng Thị Bích N2 mỗi người được hưởng 795.741.210 đồng.

2.2. Ông Khổng Xuân V, bà Khổng Thị Bích S1 mỗi người hưởng 463.277.566 đồng.

2.3. Bà Khổng Thị Bích Đ, bà Khổng Thị Bích L mỗi người hưởng 51.148.252 đồng

2.4. Bà Nguyễn Thị N được hưởng 29.836.417 đồng. Bà Lê Thị Hồng Y được hưởng 25.574.000 đồng. Chị Khổng Thị Trúc M được hưởng 12.787.000 đồng, bà Lê Thị Diễm H và anh Khổng Xuân D mỗi người được hưởng 17.049.417 đồng.

2.5. Bà T có nghĩa vụ giao cho các ông Khổng ThA Sinh, ông Khổng Xuân Thành, ông Khổng Xuân V1 mỗi người được nhận **795.741.210** đồng; giao cho ông Khổng Xuân H1 số tiền **217.035.160** đồng.

Ông Khổng Xuân H1, bà Khổng Thị Bích N2, bà Khổng Thị Bích H2, ông Khổng Xuân V, bà Khổng Thị Bích S1, bà Khổng Thị Bích Đ, bà Khổng Thị Bích L, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Hồng Y, chị Khổng Thị Trúc M, bà Lê Thị Diễm H, anh Khổng Xuân D được quyền liên hệ với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Q để nhận số tiền cụ thể: Bà H2, bà N2 mỗi người được nhận **795.741.210** đồng; Ông V, bà S1 mỗi người được nhận **463.277.566** đồng; Ông H1 nhận **578.706.000** đồng; Bà Đ, bà L mỗi người được nhận **51.148.252** đồng; Bà N được nhận **29.836.417** đồng; Bà Y được nhận **25.574.000** đồng; chị M được nhận **12.787.000**; Bà H và anh D mỗi người được nhận **17.049.417** đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế 825,56m² đất vườn tọa lạc tại tổ 21, khu vực 4, phường Đ, thành phố Q.

4. Về án phí: Ông Khổng Thanh S, được miễn án phí do thuộc diện người có công với cách mạng (thương binh); Bà Nguyễn Thị N, bà Huỳnh Thị T và ông Khổng Xuân V được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Ông Khổng Xuân T1, bà Khổng Thị Bích H2, ông Khổng Xuân H1, ông Khổng Xuân V1, bà Khổng Thị Bích N2, mỗi người phải chịu 35.829.648 đồng. Bà Khổng Thị Bích S1 phải chịu 22.531.103 đồng.

Bà Khổng Thị Bích Đ, bà Khổng Thị Bích L mỗi người phải chịu 2.557.413 đồng; Chị Khổng Thị Trúc M phải chịu 639.300 đồng; bà Lê Thị Diễm H và anh Khổng Xuân D mỗi người phải chịu 852.471 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007949 ngày 01/11/2006 của Thi hành án dân sự thành phố Q và biên lai thu số 0002848 ngày 13/9/2021; 0002849 ngày 13/9/2021; 0002850 ngày 13/9/2021; 0002851 ngày 13/9/2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Do bà Đ, bà L, ông A mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (2.500.000 đồng + 625.000 đồng), ông H3 nộp 625.000 đồng, chị M nộp 2.500.000 đồng nên bà Đ, bà L mỗi người được hoàn lại 567.587 đồng. Chị M được hoàn lại 1.861.700 đồng; bà H, A D mỗi người được hoàn lại 710.000 đồng.

Bà Lê Thị Hồng Y phải chịu 1.278.700 đồng

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển QĐ thành phố Q, ông Khổng Xuân H1, và ông Khổng Xuân V1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa

